

## CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG: 417

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2020**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Tây Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 3/2020 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT     | NỘI DUNG                                             | DỰ TOÁN NĂM  | ƯỚC THỰC HIỆN - QUÝ IV | SO SÁNH (%) |                   |
|-----------|------------------------------------------------------|--------------|------------------------|-------------|-------------------|
|           |                                                      |              |                        | DỰ TOÁN     | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| <b>I</b>  | <b>THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ</b>             | <b>0,45</b>  | <b>1,20</b>            | <b>2,67</b> | <b>4,00</b>       |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                            | <b>0,45</b>  | <b>1,20</b>            | <b>2,67</b> | <b>4,00</b>       |
| 1.1       | Phí chứng thực (Cấp giấy công bố hợp chuẩn, hợp quy) | 0,45         | 1,20                   | 2,67        | 4,00              |
| 2         | Số phí, lệ phí nộp ngân sách                         | 0,45         | 1,20                   | 2,67        | 4,00              |
| 3         | Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại                 | 0            | 0                      | 0,00        | 0,00              |
| <b>II</b> | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                | <b>3.209</b> | <b>901</b>             | <b>0,28</b> | <b>1,57</b>       |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                        | <b>1.933</b> | <b>469</b>             | <b>0,24</b> | <b>1,07</b>       |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                     | 1.894        | 454                    | 0,24        | 0,97              |
| -         | Chi quỹ lương                                        | 1.400        | 380                    | 0,27        | 1,26              |
| +         | Quỹ lương cơ sở 1.210.000 đồng                       | 1.137        | 309                    | 0,27        |                   |
| +         | Quỹ lương 280.000 đồng (Nguồn CCTL ngân sách tỉnh)   | 263          | 71                     | 0,27        |                   |
| -         | Chi thường xuyên                                     | 494          | 74                     | 0,15        | 0,70              |
| +         | Chi hoạt động thường xuyên                           | 390          | 53                     | 0,14        |                   |
| +         | Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động theo NĐ 68         | 104          | 21                     | 0,20        |                   |
| 2.2       | Kinh phí không thực hiện tự chủ                      | 39           | 15                     | 0,38        |                   |
| -         | Kinh phí ISO                                         | 15           | 15                     | 0,00        |                   |
| -         | Kinh phí mua sắm, sửa chữa                           | 24           | 0                      | 0,00        |                   |
| <b>2</b>  | <b>Sự nghiệp khoa học và công nghệ (Loại 100)</b>    | <b>1.276</b> | <b>432</b>             | <b>0,34</b> | <b>2,19</b>       |
| 2.1       | Kinh phí không thực hiện tự chủ (Khoản 103)          | 1.276        | 432                    | 0,34        | 2,19              |

Tây Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2021

KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Võ Văn Điền



Vương Văn Dấu